TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **404**/2019/QĐST-HNGĐ	*Việt Trì, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 560/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng Q** - sinh năm 1978
ĐKHKTT: Khu 5, Phượng An, xã P, thành phố V, tỉnh P.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**- sinh năm 1974
ĐKHKTT: Khu 5, Phượng An, xã P, thành phố V, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 1năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Chị Nguyễn Thị Hồng Q và anh Nguyễn Văn B

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Q và anh Nguyễn Văn B thống nhất vợ chồng có 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 20/2/1996, cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 15/4/1998, cháu Nguyễn Thị H3, sinh ngày 29/8/2001, cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25/8/2009.

Các cháu Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H3 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Cháu Nguyễn Tiến D giao cho chị Qtrực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Q, vì chị Q không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Hồng Q và anh Nguyễn Văn B thống nhất xác định vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí 150.000 đồng (*Một trăm năm m□ơi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số: 0000580 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì. Chị Q đ- ợc hoàn trả lại 150.000đ (*Một trăm năm m□ơi nghìn đồng*).

Quyết định này đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7nh tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục *, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy đị phúc thẩm.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDTP Việt Trì;
- UBND xã P, tp.V, tỉnh P
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ph- ơng Hoa